TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **410**/ 2023/HC-PT
Ngày: 20-12-2023
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Võ Ngọc Thông**;

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**;

ông **Trần Quốc Cường**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Hoà Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 228/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC- ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 444/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Phạm Văn X - Sinh năm 1947; địa chỉ: tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Quang H; địa chỉ: Xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ liên hệ: 131/15 Trần Quý C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị kiện:*

+ UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

+ Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:*

+ Ông Trương Văn C1 - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Quang H1 - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Quang H1 - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* ông Võ Quang H, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất: đất nhà nước giao Công ty C2 (nay là chi nhánh Công ty cổ phần C3 – Nông trường 30/4) quản lí và sử dụng. Năm 1998, Nông trường 30/4 giao đất cho cán bộ công nhân viên của Nông trường để trồng cà phê và ký hợp đồng liên kết nhưng không đầu tư về vốn. Do hợp đồng liên kết bị sai sót nên đến năm 1994 Nông trường ký lại hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với Ông Phạm Văn X theo hợp đồng liên kết 94/94 HĐLK có thời hạn đến hết năm 2008 với diện tích 3.000m^2. Ngày 8/4/2017, ông X chuyển nhượng lại phần diện tích 1.000m^2 cho ông Trần Văn T1.

Diện tích đo đạc thực tế của thửa đất số 17, mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 31-2019 (thuộc tờ bản đồ số 37) là 1.053,3m^2; thửa đất số 9 mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 31-2019 (thuộc tờ bản đồ số 37) là 1.100,1m^2. Tổng diện tích đo đạc là 2.153,4 m^2 lớn hơn diện tích trong hợp đồng liên kết (đã trừ đi phần chuyển nhượng cho ông Trần Văn T1 1.000m^2) là 153,4m^2, nguyên nhân diện tích đất tăng thêm là do khi giao đất Nông trường đo đạc không chính xác. Gia đình ông X sử dụng canh tác sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định trên hai thửa đất trên cho đến khi nhà nước thu hồi đất. Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án là: 2.153,4m^2 đất trồng cây lâu năm. Vào ngày 10/8/2020 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố A, phường T, thành phố B. Gia đình ông X bị thu hồi thửa đất số 9, 17; đều thuộc tờ bản đồ số 37 với tổng diện tích là 2.153,4m^2. Xét thấy tại phương án bồi thường khi thu hồi đất của gia đình ông X thì UBND

thành phố B đã ban hành không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông X. Cụ thể như sau:

- Về hỗ trợ, đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Trong hộ gia đình ông Phạm Văn X gồm có 08 nhân khẩu như sau:

1. Bà Phan Thị N, sinh năm 1953 (chủ hộ), nghề nghiệp làm nông

2. Ông Phạm Văn X sinh năm 1947 (chồng), nghề nghiệp làm nông

3. Bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1975, nghề nghiệp làm nông

4. Ông Phạm Đình T2, sinh năm 1980, nghề nghiệp làm nông

5. Ông Phạm Đình Q, sinh năm 1986 (con) nghề nghiệp làm nông

6. Trần Thị Lan A, sinh năm 1987 (con dâu) nghề nghiệp kế toán + làm nông

7. Phạm Ngọc Gia H2, sinh năm 2012 (cháu) còn nhỏ

8. Phạm Ngọc Bảo T3, sinh năm 2015 (cháu) còn nhỏ

Như vậy, đất của gia đình ông X sử dụng có nguồn gốc đất liên kết nhưng UBND thành phố không thực hiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông là chưa đúng với quy định của pháp luật tại khoản 6 Điều 4 Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật đất đai.

- Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất: đất của gia đình X sử dụng có nguồn gốc đất liên kết nhưng UBND thành phố không thực hiện hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất cho ông là chưa chấp hành đúng với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: quá trình canh tác trên đất nông nghiệp gia đình ông Phạm Văn X đã đầu tư các vật tư và công sức lao động rất nhiều: phân bón, bón xác thực vật, cầy xới, làm cỏ để làm tăng độ màu mỡ của đất; rải vôi vào đất để thau chua rửa mặn; trồng các loại cây bao quanh để chống xói mòn đối với thửa đất; đào giếng, làm đường ống nước, xẻng, cày cuốc,… Tuy nhiên qua thời gian đã lâu, các giấy tờ chứng minh cho việc đầu tư trên đất đã thất lạc nhưng thực tế gia đình ông Phạm Văn X đã bỏ chi phí đầu tư trên đất nên gia đình ông X phải được hỗ trợ về chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 của luật đất đai năm 2013 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP; Điều 3 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT.

Trong trường hợp gia đình ông X không được hưởng các hạng mục hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì phải được hưởng hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 2, 3, Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ.

Căn cứ vào các quy định trên thì gia đình ông X là đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật nhưng UBND thành phố B không hỗ trợ và bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho gia đình ông X là thiếu sót làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Vì vậy, ngày 31/12/2022 ông X làm đơn kiến nghị gửi đến UBND thành phố B và đề nghị UBND thành phố B lập lại phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và các khoản hỗ trợ cho gia đình ông đúng theo quy định của pháp luật. Đến ngày 10/3/2023 ông X nhận được Công văn số 33/CV-TTPTQĐ "Về việc trả lời đơn của Ông Phạm Văn X với nội dung không chấp nhận đơn kiến nghị của ông Phạm Văn X.

Do đó, ông X đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết những nội dung sau: Tuyên hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B; hủy Công văn số 33/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 về việc trả lời đơn của ông Phạm Văn X và buộc UBND thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Trường hợp không được hưởng các loại hỗ trợ nêu trên thì đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 23 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ

** Ý kiến trình bày tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là* UBND thành phố B*; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch* UBND thành phố B *và người đại diện theo ủy quyền của người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất* thành phố B *trình bày:*

- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 173 ha đất tại địa bàn thành phố B của Chi nhánh Công ty TNHH MTV C3 – Nông trường cao su 30/4 giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật;

- Căn cứ Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đất tại phía B, Tổ dân phố A, phường T, thành phố B;

- Căn cứ Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng CSHT khu dân cư T, phường T, thành phố B (bên cạnh Nhà máy B và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 6ha);

- Căn cứ Quyết định số 7146/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố A, phường T, thành phố B (bên cạnh Nhà máy B và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 6ha);

- Căn cứ Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND thành phố B về việc về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán xây dựng

Công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố A, phường T, thành phố B (bên cạnh Nhà máy B và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 6ha);

- Căn cứ Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Căn cứ Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng côngtrình: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố A, phường T, thành phố B (đợt 1).

Về nội dung yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Đất ông Phạm Văn X đang sử dụng có nguồn gốc là đất Nhà nước giao cho Công ty C3 (nay là Chi nhánh Công ty cổ phần C3 - Nông trường 30/4) quản lý. Năm 1988, Nông trường 30/4 giao đất cho cán bộ công nhân viên Nông trường để trồng cà phê và ký hợp đồng liên kết nhưng không đầu tư về vốn, do hợp đồng liên kết bị lỗi đến năm 1994 Nông trường ký lại hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với ông Phạm Văn X theo Hợp đồng số 94/94HĐLK có thời hạn đến hết năm 2008 với diện tích 3.000m^2. Ngày 08/4/2017, ông X chuyển nhượng diện tích 1.000m^2 cho ông Trần Văn T1.

Tại thời điểm UBND tỉnh Đ thu hồi đất (năm 2014) của Chi nhánh Công ty TNHH MTV C3 - Nông trường cao su 30/4 và thời điểm UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ năm 2020 hộ ông Phạm Văn X đang sử dụng đất nhưng không phải là do nhận giao khoán vì hợp đồng liên kết đã hết hạn năm 2008 mặc dù hộ ông Phạm Văn X vẫn canh tác và sử dụng nên hộ Phạm Văn X không được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất.

Về nội dung yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; *hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất*.

Căn cứ Khoản 6, Điều 4, Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đại quy định: "*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm đ khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của* công ty N1*, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định...*".

Tuy nhiên, hộ ông Phạm Văn X thuộc đối tượng ký Hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với Nông trường 30/4. Hợp đồng liên kết trồng cây cà phê đã hết hạn từ năm 2008 và đất đã được UBND tỉnh Đ thu hồi tại Quyết định số 450/QĐ- UBND ngày 04/3/2014. Tại thời điểm UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Chi nhánh Công ty TNHH MTV C3 - Nông trường cao su 30/4 và thời điểm

UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ năm 2020 hộ Phạm Văn X đang sử dụng đất nhưng không phải là do nhận khoán vì hợp đồng giao khoán đã hết hạn mà sử dụng đất do chiếm đất nên không thuộc đối tượng được quy định tại đ khoản 1 Điều 19 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Cho nên không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ.

Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất:

Căn cứ điểm 2, khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND "*Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất*".

Tuy nhiên, hộ ông Phạm Văn X là hộ hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với Nông trường cao su 30/4 không phải là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 30, Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định "*Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó*".

Ngày 10/8/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố A, phường T, thành phố B (đợt 1) không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bồi thưởng chi phí đầu tư vào đất còn lại là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Văn X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC- ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ vào Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 66, Điều 69, Điều 76, Điều 84, Điều 204 của Luật Đất đai 2013;

Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 của Luật khiếu nại năm 2011

Áp dụng Điều 3, Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng Điều 23 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X.

- Hủy toàn bộ Công văn số 33/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 về việc trả lời đơn của ông Phạm Văn X của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B;

- Hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B và buộc UBND thành phố B phê duyệt bổ sung phương án bồi thường về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Phạm Văn X.

[2.2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X đối với các nội dung: Hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B; buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ đào tạo chuyển đổi và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 23 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ cho hộ ông Phạm Văn X.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/8/2023 ông Phạm Văn X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ đào tạo chuyển đổi và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ khác theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Võ Quang H đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, khởi kiện và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên toà hành chính phúc thẩm được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có Đơn xin xét xử vắng mặt; đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên toà hành chính phúc thẩm được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Về đối tượng khởi kiện; trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành; thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, các quyết định đều được ban hành đúng trình tự thủ tục, thời hiệu khởi kiện trong thời hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án; các đương sự trong vụ án đều thống nhất, không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của của ông Phạm Văn X, Hội đồng xét xử nhận thấy về nguồn gốc đất: hộ ông Phạm Văn X sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 37 diện tích là 1.053,3m^2; thửa đất số 9 tờ bản đồ số 37 diện tích là 1.100,1m^2. Tổng diện tích đo đạc thực tế là 2.153,4 m^2 lớn hơn diện tích trong hợp đồng liên kết (đã trừ đi phần chuyển nhượng cho ông Trần Văn T1 1.000m^2) là 153,4m^2. Đất có nguồn gốc là đất của Nhà nước giao cho Công ty C3 (nay là Chi nhánh Công ty cổ phần C3 – Nông trường 30/4) quản lí và sử dụng. Năm 1988, Nông trường 30/4 giao đất cho cán bộ công nhân viên của Nông trường để trồng cà phê và ký hợp đồng liên kết nhưng không đầu tư về vốn. Do hợp đồng liên kết bị sai sót nên đến năm 1994 Nông trường ký lại hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với Ông Phạm Văn X theo Hợp đồng liên kết 94/94 HĐLK có thời hạn đến hết năm 2008 với diện tích 3.000m^2. Ngày 08/4/2017, ông X chuyển nhượng lại 1.000m^2 cho ông Trần Văn T1. Ngày 04/03/2014 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc thu

hồi 173 ha đất tại địa bàn thành phố B của Chi nhánh Công ty TNHH MTV C3 – Nông trường cao su 30/4 giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Theo quyết định này thì hộ ông X bị thu hồi 2.153,4m^2 đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án. Do không đồng ý với nội dung Quyết định số 5426/QĐ-UBND của UBND thành phố B nên ngày 31/12/2022 ông Phạm Văn X làm đơn kiến nghị gửi UBND thành phố B. Ngày 05/01/2023 Văn phòng HĐND - UBND thành phố B có Công văn số 01/VP có thể hiện nội dung "*ủy quyền cho Trung tâm phát triển quỹ đất* thành phố B *chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, để trả lời đơn cho công dân đối với đơn kiến nghị của các hộ dân có đất bị thu hồi tại* tổ dân phố A phường T *trong đó có hộ ông* Phạm Văn X". Trên cơ sở đó, ngày 10/3/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đã ban hành Công văn số 33/CV-TTPTQĐ để trả lời đơn kiến nghị cho hộ ông Phạm Văn X.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn X về hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất: nhận thấy hộ gia đình ông X sử dụng đất theo Hợp đồng liên kết từ năm 1994 có thời hạn đến hết năm 2008. Đến năm 2014 Nhà nước thu hồi đất; tuy hợp đồng liên kết đã hết hạn nhưng cho tới thời điểm phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình ông X vẫn đang sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, không bị ngăn chặn hoặc xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền. Ông cho rằng gia đình có đầu tư để tăng độ màu mỡ của đất như: bón phân, bón xác thực vật, rải vôi thau chu rửa mặn… nhưng ông không cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, ông X cũng không chứng minh được tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất gia đình ông vẫn chưa thu hồi hết các khoản chi phí bỏ ra để cải tạo đất theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 của Luật đất đai 2013; Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông X là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: xét thấy, hộ ông Phạm Văn X chỉ bị ảnh hưởng về nghề nghiệp khi UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông. Ông X cho rằng tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường của UBND thành phố B thì gia đình ông có 08 nhân khẩu bị ảnh hưởng về việc làm nên yêu cầu UBND thành phố B phải phê duyệt bổ sung phương án bồi thường để hỗ trợ gia đình ông về đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, theo Sổ hộ khẩu do ông X cung cấp cho Tòa án, thể hiện hộ bà Phan Thị N gồm có các thành viên sau: bà Phan Thị N (sinh năm 1953 là chủ hộ, nghề nghiệp làm nông); ông Phạm Văn X (sinh năm 1947, nghề nghiệp làm nông); ông Phạm Đình T2 (sinh năm 1980, nghề nghiệp sửa xe máy, đã tách khẩu ngày 28/9/2012); bà Phạm Thị Hồng Â (sinh năm 1983, nghề nghiệp làm nông, đã tách khẩu ngày 21/4/2016); ông Phạm Đình Q (sinh năm 1986, nghề nghiệp kế toán); bà Trần Thị Lan A (sinh năm 1987, nghề nghiệp kế toán); cháu Phạm Ngọc Gia H2 (sinh năm 2012) và cháu Phạm Ngọc Bảo T3 (sinh năm 2015). Như vậy, tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường thì hộ gia đình ông X

chỉ có ông Phạm Văn X và bà Phan Thị N có nghề nghiệp là làm nông. Theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất của UBND phường T và lời khai của các đương sự thì hộ ông X được ký hợp đồng liên kết do là công nhân của Nông trường 30/4. Tuy nhiên, ông X không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc ông X không thuộc trường hợp đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp; đồng thời cả ông X và bà N đều là người cao tuổi theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại Điều 84 của Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Phạm Văn X.

[5] Về hỗ trợ khác: hộ ông X đã được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 của Luật đất đai 2013 nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ. Bên cạnh đó, tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thì hộ ông X không có nhân khẩu không được hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nên cũng không đủ điều kiện để hưởng hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X, hủy toàn bộ nội dung Công văn số 33/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn cho ông X và hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B, buộc UBND thành phố B phải phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Phạm Văn X là có căn cứ. Ý kiến của kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông X đối với các nội dung đề nghị UBND thành phố B hỗ trợ về chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho 08 nhân khẩu trong hộ gia đình và hỗ trợ khác, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: ông Phạm Văn X là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 66, Điều 69, Điều 76, Điều 84, Điều 204 của Luật Đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 của Luật khiếu nại năm 2011; Điều 3, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Văn X, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC- ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X.

- Hủy toàn bộ Công văn số 33/CV-TTPTQĐ ngày 10/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của ông Phạm Văn X.

- Hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B và buộc UBND thành phố B phê duyệt bổ sung phương án bồi thường về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông Phạm Văn X.

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X đối với các nội dung: hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B; buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ đào tạo chuyển đổi và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ cho hộ ông Phạm Văn X.

4. Về án phí:

- Ông Phạm Văn X được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

- UBND thành phố B phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông